TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH GIANG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 29-11-2018.
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: Vũ Đăng Đông và ông Nhữ Văn Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Cao Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang tham gia phiên toà:

Ông Vũ Xuân Minh -Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2018/ TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2018 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/ 2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2018/QĐST-HNGĐ ngày 14/11/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Y, sinh năm 1986

Nơi ĐKHKTT: Xã TD, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ hiện tại: Ấp CH, xã CĐ, huyện CK, tỉnh Trà Vinh.

Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Phạm Văn H , sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp K, xã TD, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng:

Bà Đinh Thị Đ, sinh năm 1961.

Ông Phạm Văn V, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Ấp Kinh Dương, xã TD, huyện Bình Giang, Hải Dương.

Đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn là chị Huỳnh Thị Y trình bày: Chị với anh Phạm Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TD, huyện Bình Giang vào năm 2012.

Trong quá trình chung sống vợ chồng chị nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H không chịu làm ăn, chơi bời và không chung thủy nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Đến năm 2014, anh H bỏ đi không thông báo cho chị địa chỉ ở đâu, chị chỉ nói chuyện được với anh H qua điện thoại. Từ đó đến nay anh H không quan tâm đến chị nữa. Do vậy đến tháng 4 năm 2018, chị đem theo 2 con bỏ về quê ở tỉnh Trà Vinh sống cho đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị Y và anh H có hai con chung là Phạm Thị Kiều Tr, sinh ngày 04/01/2006 và cháu Phạm Phương Th, sinh ngày 30/12/2011. Hiện tại hai con đang sống cùng chị tại Ấp CH, xã CĐ, huyện CK, tỉnh Trà Vinh. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng.

Về tài sản chung: Chị Y không yêu cầu giải quyết.

Kết quả xác minh tại công an xã TD cho thấy: Anh Phạm Văn H vẫn đăng ký Hộ khẩu thường trú tại xã TD, huyện Bình Giang. Tuy nhiên khoảng 01 năm nay, anh H đi đâu, làm gì không thông báo lại nên cơ quan công an quản lý nhân khẩu không biết địa chỉ cư trú của anh H hiện tại.

Tòa án đã lấy lời khai của bố, mẹ đẻ của anh H là ông Phạm Văn V và bà Đinh Thị Đ được biết: Anh H đã đi làm ăn xa được khoảng 1 năm, anh H đi đâu gia đình không nắm được cụ thể, chỉ có nói chuyện được qua điện thoại và anh H chỉ nói đi làm ăn ở Trung Quốc, nhưng không nói cho gia đình biết địa chỉ cụ thể, mặt khác anh H cũng không làm thủ tục xuất nhập cảnh theo đúng quy định, nên gia đình cũng không biết chính xác anh H có phải ở Trung Quốc thật hay không, Tòa án yêu cầu gia đình cung cấp địa chỉ của anh H thì gia đình không cung cấp được. Tòa án đã tiến hành xác minh tại cục quản lý xuất nhập cảnh Việt Nam, kết quả cho thấy anh H có xuất cảnh qua cửa khẩu Lao Bảo (biên giới Việt Nam – Lào) vào ngày 14/7/2013, nhưng đã nhập khẩu qua cửa khẩu Cha Lo vào tháng 8/2013 và không có thông tin về xuất cảnh lần nữa.

Do vậy, Tòa án đã tiến hành giao văn bản tố tụng cho bố mẹ đẻ của anh H là ông Phạm Văn V và bà Đinh Thị Đ, ông bà cam kết nhận và đã thông báo lại cho anh H nội dung vụ việc chị Y xin ly hôn đang được tòa án thụ lý và đồng thời Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định. Sau khi tòa án tiến hành tống đạt, niêm yết văn bản tố tụng, bố mẹ đẻ của anh H và em gái của anh H đều xác nhận việc gia đình đã thông báo cho anh H biết các nội dung văn bản tố tụng của Tòa án trong việc giải quyết vụ án. Kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước khi mở phiên tòa, anh H không có văn bản ghi ý kiến của anh về việc chị Y khởi kiện vụ

án Hôn nhân và gia đình để gửi cho Tòa án hoặc đến Tòa án để trình bày trực tiếp. Tuy nhiên, tại phiên tòa lần thứ hai, anh H có mặt và trình bày: Chị Y và anh có đăng ký kết hôn tại UBND xã TD trên cơ sở tự nguyện vào năm 2012. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống một thời gian đã phát sinh mâu thuẫn. Về lý do dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng anh xin được không trình bày vì theo anh có trình bày cũng không thể giải quyết được mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ, anh khẳng định hiện tại tình cảm vợ chồng không còn nữa. Nay chị Y làm đơn xin ly hôn, anh nhất trí. Anh xác nhận việc vợ chồng có 2 con chung như chị Y trình bày và xin được nuôi cả 2 con chung, tự nguyện không yêu cầu chị Y cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng. Lý do anh đưa ra là chị Y không đảm bảo điều kiện nuôi con khi đi lấy chồng khác.

Tòa án lấy lời khai của bố mẹ đẻ của anh H và được ông bà cho biết: Anh H và chị Y kết hôn tự nguyện, được gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thái Dương, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng anh H và chị Y về sống cùng với ông bà. Trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị nảy sinh mâu thuẫn do nghi ngờ lẫn nhau là không chung thủy, dẫn đến mất niềm tin vào nhau. Thêm vào đó chị Y là người không tiết kiệm trong chi tiêu, nên kinh tế gia đình có phần xa xút làm cho cuộc sống vợ chồng càng xảy ra nhiều mâu thuẫn hơn. Năm 2008, chị Y đã bỏ về Trà Vinh một lần rồi lại quay lại. Cách thời điểm Tòa án giải quyết vụ án khoảng một năm thì anh H đi làm ăn, không biết địa chỉ ở đâu. Vợ chồng ly thân nhau từ đó đến nay nhưng vẫn thường xảy ra cãi nhau qua điện thoại và chị Y cũng đã từng đòi ly hôn nhưng anh H không đồng ý vì lý do con cái còn nhỏ, song nếu chị Y cương quyết thì anh cũng đồng ý. Về phía ông bà đã làm mọi cách để giúp vợ chồng khắc phục mâu thuẫn nhưng không đạt kết quả. Đến khoảng tháng 3/2018 thì chị Y đã đem theo hai con chung của anh chị về quê ngoại ở Trà Vinh, gia đình ông bà không liên lạc được với chị Y nữa. Ông bà đánh giá quan hệ hôn nhân của anh chị khó có khả năng khắc phục được mâu thuẫn. Về con chung, chị Y và anh H có 2 con chung là cháu Phạm Thị Kiều Tr, sinh ngày 04/01/2006 và cháu Phạm Phương Th, sinh ngày 30/12/2011. Từ nhỏ đến nay hai cháu vẫn sống cùng anh chị tại gia đình của ông bà. Đến tháng 3/2018 thì chị Y đã mang theo hai con về quê ở Trà Vinh sống đến nay. Ông bà có quan điểm đề nghị Tòa án giao con cho anh H nuôi dưỡng, ông bà sẽ hỗ trợ chăm sóc.

Tòa án cũng xác minh tại trưởng ấp Kinh Dương, xã TD cho thấy: giữa anh chị Y – H đã xảy ra cãi nhau. Thông qua nắm bắt tin tức thì có thông tin cho rằng lý do cãi nhau là vì anh H nghi ngờ chị Y có tình cảm với người khác. Còn về con chung của anh H và chị Y đã theo chị Y khi chị Y bỏ đi.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã tuân thủ quy định của pháp luật trong thụ lý vụ án, xây dựng hồ sơ, tổ chức phiên tòa giải, đưa vụ án ra xét xử và các hoạt Đ tố tụng khác. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật trong điều hành phiên tòa.

Về giải quyết nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Y được ly hôn anh H.

- Về con chung: Xử giao chị Y trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phạm Thị Kiều Tr và Phạm Phương Th cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Y không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị Y và anh H đều yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị Y phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định và được trừ vào tiền tạm ứng án phí ly hôn đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Phạm Văn H là bị đơn, có nơi cư trú cuối cùng tại xã TD, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. Anh H vắng mặt tại địa phương song vẫn thường xuyên liên lạc về nhà, biết được sự việc chị Y yêu cầu ly hôn anh nhưng anh không cung cấp địa chỉ cụ thể cho chị Y, chính quyền địa phương và gia đình, nên không có căn cứ để xác định được địa chỉ cụ thể của anh H. Tòa án xác định đây là thuộc trường hợp đương sự không cung cấp địa chỉ, Tòa án căn cứ vào địa chỉ cư trú cuối cùng của anh H tại xã TD, huyện Bình Giang để thụ lý vụ án theo thủ tục chung.

[2].Tòa án tiến hành hòa giải nhưng anh H vắng mặt, chị Y có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải mà đưa vụ án ra xét xử nên Tòa án đã Quyết định đưa vụ án ra xét xử để giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Y.

[3]. Chị Y do điều kiện ở xa, khó khăn trong việc đến tham gia phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh Phạm Văn H được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 thì có mặt tại phiên tòa, nên căn cứ vào quy định tại điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn H và chị Huỳnh Thị Y kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thái Dương, huyện Bình Giang năm 2012, nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị Y phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng nghi ngờ lẫn nhau không chung thủy khi chị Y cho rằng anh H chơi bời không chung thủy, còn anh H lại nghi ngờ chị Y có tình cảm với người khác. Thêm vào đó, giữa đôi bên còn xảy ra mâu thuẫn về vấn đề kinh tế khi chị Y cho rằng anh H không chịu làm ăn, còn anh H lại cho rằng, chị Y chi tiêu không tiết kiệm. Từ đó, vợ chồng chị Y thường xuyên xảy ra cãi nhau, mất niềm tin vào tình cảm dành cho nhau. Theo chị Y và gia đình anh H trình bày cũng như kết quả xác minh tại địa phương có đủ căn cứ để xác định việc anh H bỏ đi không chung sống cùng với chị Y đã được một thời gian, cũng không thông báo địa chỉ cụ thể cho chị Y, nhưng giữa vợ chồng vẫn liên lạc bằng điện thoại song tiếp tục vẫn mâu

thuẫn. Vì vậy, đến tháng 3/2018 chị Y đã bỏ đi cùng hai con trở về quê ở Trà Vinh sinh sống cho đến nay. Hội đồng xét xử thấy rằng giữa anh H và chị Y trong quan hệ hôn nhân đã không còn sự tin tưởng, tình cảm dành cho nhau, không những không giúp đỡ lẫn nhau xây dựng cuộc sống mà còn thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn và không có giải pháp nào khắc phục được, anh H bỏ đi không thông báo địa chỉ lại cho chị Y, chị Y bỏ gia đình anh H về quê thể hiện cả hai bên đều đã không làm tròn nghĩa vụ vợ chồng đối với nhau. Bản thân bố mẹ anh H cũng thừa nhận gia đình đã tìm cách giúp anh chị giải quyết mâu thuẫn nhưng không thành, khả năng vợ chồng anh chị đoàn tụ là khó khăn. Việc anh H được Tòa án thông báo tổ chức hòa giải song không có mặt đã phần nào thể hiện sự rạn nứt sâu sắc trong đời sống tình cảm của anh chị và tại phiên tòa, anh H cũng xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, đồng ý ly hôn chị Y. Như vậy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng chị Y đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu của chị Y, xử cho chị ly hôn anh H.

[5]. Về con chung: Chị Y và anh H có 2 con chung hiện đang ở cùng chị. Xét thấy hiện tại anh H vắng mặt tại địa phương, còn 2 con chung đang ở cùng chị Y và được chị Y nuôi dưỡng, cháu Phạm Thị Kiều Tr đã trên 7 tuổi, có nguyện vọng được ở với mẹ; Trường học nơi hai con chung của anh chị đang học tập tại huyện CK, tỉnh Trà Vinh đã có công văn trả lời Tòa án, thông báo cho Tòa án biết việc các con chung của anh chị đang học tập và có tình trạng sức khỏe, tinh thần hiện tại đều bình thường. Về phía anh H xác định thường xuyên đi làm ăn. Như vậy, mặc dù nguyện vọng nuôi con của anh H cũng là chính đáng, nhưng xét quá trình lớn lên của các cháu vẫn thường được ở bên mẹ, tình trạng ổn định hiện tại của hai cháu cũng như nguyện vọng của con đủ 7 tuổi được ở với mẹ, thì Hội đồng xét xử thấy rằng, cần giao 2 con chung cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của các con chung. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung, chị Y không được ngăn cản.

[6]. Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Y tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, còn anh H cũng không có quan điểm gì về việc tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung nếu con được giao cho chị Y nuôi dưỡng, nên cần chấp nhận sự tự nguyện này của chị Y.

[7]. Về tài sản chung: Chị Y, anh H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[8] Về án phí: Chị Y là nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227; Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Y, xử cho chị Huỳnh Thị Y ly hôn anh Phạm Văn H.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Y, xử giao 2 con chung của chị Y và anh H là Phạm Thị Kiều Tr, sinh ngày 04/01/2006 và Phạm Phương Th, sinh ngày 30/12/2011 cho chị Huỳnh Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Anh Phạm Văn H được quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị Huỳnh Thị Y về việc không yêu cầu anh Phạm Văn H cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Huỳnh Thị Y phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Giang, theo biên lai thu tiền số AA/2016/0002729 ngày 10/7/2018. Chị Y đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án. Bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Bình Giang;*
- *THADS huyện Bình Giang;*
- *UBND xã Thái Dương;*
- *Lưu HSVA.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
ĐÃ ký

NGUYỄN VĂN CƯỜNG